TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2024/HS-ST
Ngày: 18-12-2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh;

Ông Đỗ Văn Cận.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Mừng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh năm 2000 tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Theo đạo Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Đinh Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; được tại ngoại chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Ngọc T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận "vắng mặt".

2. Anh Vũ Mạnh T2; sinh năm 1987; địa chỉ: 2 phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

3. Anh Lê Xuân C1; sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội "vắng mặt".

4. Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

5. Anh Bùi Xuân V, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quen biết bạn học với nhau nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024, tại thành phố Hà Nội và tại nơi ở của mình, Trần Văn C đã cho anh Trần Ngọc T1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng với mức lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 146% đến 182,5%/1 năm, gấp từ 7,3 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 BLDS. Cụ thể:

- Vào tháng 10/2023, C cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm; gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS; vay trong 60 ngày. C đã thu được của anh T1 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi được thu theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu vượt quá so với quy định nhằm thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

- Ngày 08/11/2023, C cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất là 182,5%/1 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Khi vay thì C yêu cầu anh T1 viết cho C một giấy biên nhận về việc vay tiền của C, giấy ghi ngày 8/11/2023, với nội dung anh Trần Ngọc T1, xác nhận có nhận của anh Nguyễn Đình T3, số điện thoại 0989868223 số tiền 10 triệu đồng, không lãi suất, với mục đích mua một chiếc xe Wave 110cc tại Việt Nam, thời gian vay là 1 tháng từ 8/11/2023 đến 8/12/2023. Sau khi viết giấy xong thì T1 ký tên xác nhận bên dưới, chụp lại hình ảnh giấy biên nhận trên, có cả hình ảnh căn cước công dân của T1 rồi gửi cho C. C sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N số tiền 8.500.000 đồng và cắt lãi trước 30 ngày vay đầu là 1.500.000 đồng. Trong thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, C2 đã thu được của anh T1 30 ngày tiền lãi mà C2 đã cắt lãi tháng đầu là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thu vượt quá so với quy định nhằm thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng, số tiền lãi theo quy định là 164.384 đồng.

Trong thời gian từ ngày 04/01/2024 đến ngày 06/01/2024, C2 tiếp tục cho anh T1 vay nhiều lần tiền, C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N để cho anh T1 vay tiền và thu tiền lãi. Tổng cộng C2 cho anh T1 vay tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Sau đó, anh T1 có chuyển trả cho C2 được 20 triệu tiền gốc, còn nợ C2 số tiền là 60.000.000 đồng. Đến tháng 03/2024, C2 yêu cầu anh T1 tự viết một giấy biên nhận về việc vay tiền của C2, giấy ghi ngày 8/11/2023, anh Trần Ngọc T1, xác nhận có nhận của anh Nguyễn Đình T3, số điện thoại 0989868223 số tiền 60 triệu đồng, không lãi suất, với mục đích mua một chiếc xe SH 150 tại Việt Nam, thời gian vay là 1 tháng từ 8/11/2023 đến 8/12/2023, cụ thể:

- Ngày 04/01/2024, C2 cho anh T1 vay số tiền 20.000.000 đồng**,** với lãi suất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất là 146%/1 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Khi cho vay, C2 cắt trước tiền lãi 30 ngày của anh T1 là 2.400.000 đồng. C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 17.600.000 đồng vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N để cho anh T1 vay tiền và nhận tiền lãi. Trong thời gian từ 04/01/2024 đến 8/03/2024, C2 đã tính tròn cho anh T1 60 ngày và thu được của anh T1 60 ngày lãi là 4.800.000 đồng. Trong đó số tiền lãi thu vượt quá so với quy định nhằm thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng, số tiền lãi được thu theo quy định là 657.534 đồng.

- Ngày 05/01/2024, C2 cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi xuất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất là 146%/1 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Khi cho vay C2 cắt luôn tiền lãi 10 ngày của anh T1 là 400.000 đồng. C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 9.600.000 đồng vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N để cho anh T1 vay tiền và nhận tiền lãi. Trong thời gian từ 05/01/2024 đến 08/03/2024, C2 đã tính tròn cho anh T1 60 ngày và thu được của anh T1 60 ngày lãi là 2.400.000 đồng trong đó số tiền lãi thu vượt quá so với quy định nhằm thu lợi bất chính là 2.071.233 đồng, số tiền lãi theo quy định là 328.767 đồng.

- Ngày 06/01/2024, C2 cho anh T1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi xuất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, C2 cắt luôn tiền lãi 10 ngày của anh T1 là 800.000 đồng. C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 19.200.000 đồng vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N để cho anh T1 vay tiền và nhận tiền lãi. Trong thời gian từ 06/01/2024 đến 8/03/2024, C2 đã tính tròn cho anh T1 60 ngày và thu được của anh T1 60 ngày lãi là 4.800.000 đồng trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 4.142.466 đồng, số tiền lãi theo quy định là 657.534 đồng.

- Ngày 06/01/2024, C2 cho anh T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, C2 cắt luôn tiền lãi 30 ngày của anh T1 là 3.600.000 đồng. C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 26.400.000 đồng vào số tài khoản 6328609092000, ngân hàng M, tên tài khoản Tran N để cho anh T1 vay tiền và nhận tiền lãi. Trong thời gian từ 6/01/2024 đến 8/03/2024, C2 đã tính tròn cho anh T1 60 ngày và thu được của anh T1 60 ngày lãi là 7.200.000 đồng trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 6.213.699 đồng, số tiền lãi theo quy định là 986.301 đồng.

Trong thời gian từ tháng 4/2024 đến nay, do anh T1 không trả số tiền gốc đã vay của C2 còn lại là 60 triệu đồng và cũng không đóng tiền lãi hàng tháng cho C2 nên ngày 14/6/2024, C2 nhắn tin cho Vũ Thành Đ, sinh năm 2002, trú tại xóm T, xã G, huyện G là bạn của C2 về việc anh T1 còn nợ C2 số tiền 60 triệu đồng nhưng không trả, Đ đã nhờ Trần Ngọc Đ1 Trần Văn T4, Cao Trọng T5 và Nguyễn Văn T6 đến nhà ông Trần Ngọc T7 (là bố anh T1) đòi tiền nợ. Ông T7 đã trả cho Đ1 số tiền 60.000.000 đồng sau đó Đ1 chuyển lại cho C2.

Đến nay anh T1 đã trả hết số tiền gốc nợ choTrần Văn Chinh.

Ngoài ra tại thành phố Hà Nội và tại nhà ở của Trần Văn C, C còn cho 4 người khác vay tiền với lãi suất từ 3.000/1 triệu/1 ngày đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/năm, gấp từ 5,475 đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS, cụ thể:

- Đối với anh Vũ Mạnh T2: C đã cho vay tổng số tiền 50.000.000 đồng (đến nay đã trả tiền gốc): Ngày 08/12/2023, C cho anh T2 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/1 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Anh T2 đồng ý vay và viết một giấy biên nhận về việc vay tiền của C, giấy ghi ngày 8/12/2023, anh Vũ Mạnh T2, xác nhận có nhận của anh Nguyễn Đình T3, số điện thoại 0989868223 số tiền 50 triệu đồng, không lãi suất, với mục đích mua một chiếc xe SH 150 tại Việt Nam, thời gian vay là 1 tháng từ 8/12/2023 đến 8/01/2024. Trong giấy không thể hiện lãi suất. Khi cho anh T2 vay thì C có cắt lãi trước 30 ngày đầu với số tiền lãi là 4.500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 3.678.082 đồng, số tiền lãi theo quy định là 821.918 đồng.

Đến 1 tháng sau thì anh T2 trả cho C được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại Chinh 45.000.000 đồng, C vẫn tính lãi suất vay là 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Trong thời gian từ 8/01/2024 đến ngày 15/7/2024, C đã thu được của anh T2 được 180 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 24.300.000 đồng. Trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 19.861.644 đồng, số tiền lãi theo quy định là 4.438.356 đồng.

- Đối với anh Lê Xuân C1: C đã cho vay tổng số tiền 30.000.000 đồng (đến nay đã trả tiền gốc): Ngày 04/10/2023, C có cho anh C1 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất là 146%/1 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Khi vay thì C cho anh C1 vay tiền mặt, không viết giấy tờ vay. C và anh C1 thống nhất với nhau cứ 10 ngày C sẽ thu tiền lãi một lần. Khi cho vay thì C cắt lãi trước 10 ngày đầu với số tiền 1.200.000 đồng. C sử dụng số tài khoản 2170206789, ngân hàng T10, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 28.800.000 đồng vào số tài khoản 0397918952, ngân hàng M, tên tài khoản Le Xuan C3 để cho anh C1 vay tiền và nhận tiền lãi. Từ 04/10/2023 đến 04/3/2024 thì C2 đã thu được của anh C1 được 15 lần tức 150 ngày với tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 15.534.247 đồng, số tiền lãi theo quy định là 2.465.753 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Việt A: C2 đã cho vay số tiền 6.000.000 đồng (đã trả tiền gốc): Khoảng ngày 13/5/2024, C2 cho anh Việt A vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi xuất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS, dưới hình thức nhận cầm cố tài sản là xe máy, C2 không cắt lãi trước, không có giấy tờ vay nợ. C2 sử dụng số tài khoản 1027315844, ngân hàng V1, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 6.000.000 đồng vào số tài khoản 7979286789, ngân hàng T10, tên tài khoản Nguyen V và nhận tiền lãi. Từ ngày 23/5/2024 đến ngày 01/7/2024 (Việt Anh trả chậm 7 ngày nhưng C2 không tính tiền lãi) thì Việt A trả số tiền trên cho C2 để lấy xe ra, trong thời gian 30 ngày, C2 đã thu được của Việt A số tiền lãi là 900.000 đồng, trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 801.370 đồng, số tiền lãi theo quy định là 98.630 đồng.

- Đối với anh Bùi Xuân V: C2 đã cho vay số tiền 10.000.000 đồng (đã thu tiền gốc): Ngày 15/3/2024, C2 có cho anh V vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi xuất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 146%/1 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất ngân hàng quy định là 20%/năm theo Điều 468 BLDS. Chinh cắt lãi trước 30 ngày là 1.200.000 đồng. C2 sử dụng số tài khoản 2170206789, ngân hàng T10, tên tài khoản Tran Van C2 gửi số tiền 8.800.000 đồng vào số tài khoản 866212122000, ngân hàng T11, tên tài khoản B để cho anh V vay tiền và nhận tiền lãi. Từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/7/2024 (120 ngày) thì C2 đã thu được của V số tiền lãi là 4.800.000 đồng trong đó số tiền lãi chiếm hưởng quá quy định là 4.142.466 đồng, số tiền lãi theo quy định là 657.534 đồng.

Ngày 18/7/2024, ông Trần Ngọc T7 (là bố của anh Trần Ngọc T1) làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện G, Cơ quan CSĐT đã triệu tập Trần Văn C đến làm việc, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn C 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng, ngoài ra C tự giác giao nộp số tiền 40.750.000 đồng.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của Trần Văn C phát hiện:

- Về tin nhắn Zalo:

+ 01 đoạn tin nhắn đến tài khoản "Việt Anh" liên quan đến nội dung C đòi số tiền 1.900.000 đồng. C khai nhận đây là quá trình C nói chuyện với Nguyễn Việt A và tiền lãi của Việt A khi C cho Việt A vay số tiền 6.000.000 đồng, thu tiền lãi 900.000 đồng/30 ngày.

- Về hình ảnh và các tài liệu khác:

+ 01 hình ảnh chụp màn hình về nội dung nhắn tin giữa C và số tài khoản "Trần Thắng" ngày 28/6/2024, nội dung C đòi T1 số tiền gốc vay là 60 triệu đồng, lãi là 21.600.000 đồng.

+ 01 hình ảnh chụp màn hình giấy biên nhận của Trần Ngọc T1, xác nhận có nhận của Nguyễn Đình T3 số tiền 60 triệu đồng. C khai đây là giấy vay tiền của T1 viết cho C để vay số tiền 60 triệu đồng, giấy ghi ngày 8/11/2023.

+ 01 hình ảnh chụp màn hình giấy biên nhận của Trần Ngọc T1, xác nhận có nhận của Nguyễn Đình T3 số tiền 10 triệu đồng. C khai đây là giấy vay tiền của T1 viết cho C để vay số tiền 10 triệu đồng, giấy ghi ngày 8/11/2023.

+ 17 hình ảnh chụp màn hình là nội dung giao dịch tài khoản ngân hàng của C và những người Chinh cho vay tiền. C khai nhận sử dụng chiếc điện thoại trên, đăng nhập 2 tài khoản Ngân hàng T10 và V1 mang tên Trần Văn C để giao dịch cho vay tiền và thu tiền lãi.

- Trong ứng dụng ghi chú: 01 trang ghi chú với nội dung:

+ 1. T1 30tr.4k(16/2-1tr2-10 ngày) 6/3.

+ 2. C1 30tr.4k(24/2-1tr2-10 ngày) 4/3.

+ 3. T2 47tr.3k(15/1-4tr230-30 ngày) 15/2.

+ 4. T1 30tr.4k(6/2-3tr6-30 ngày) 6/3.

- C khai nhận nội dung trên là thống kê của những người mà C cho vay tiền, mức tiền lãi và thời gian đóng lãi.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT đã tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng của Trần Văn C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 13/8/2024. Kết quả:

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản của Trần Ngọc T7 có phát sinh giao dịch ngày 20/6/2024, ông T7 chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T12 Cao Văn H.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản của Nguyễn Văn Đ2 có phát sinh giao dịch ngày 07/7/2024, anh Đ2 chuyển số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T12 Cao Văn H.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Cao Văn H, có phát sinh các giao dịch nhận số tiền của tài khoản Trần Ngọc T7 và Nguyễn Văn Đ2 ngày 20/6/2024 và 7/7/2024. Ngay sau khi nhận được tiền, chủ tài khoản Cao Văn H đã chuyển tổng số tiền 60.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng tên Trần Ngọc Đ1.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Trần Văn C, có phát sinh các giao dịch C cho những người gồm Lê Xuân C1, Trần Ngọc T1 và Vũ Mạnh T2, Bùi Xuân V và Nguyễn Việt A vay tiền và thu tiền lãi. Kết quả phù hợp với quá trình C cho những người trên vay tiền và thu tiền lãi.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Lê Xuân C1, có phát sinh các giao dịch C1 vay tiền của C và trả tiền lãi. Kết quả phù hợp với quá trình C1 vay tiền của C và trả tiền lãi.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Trần Ngọc T1, có phát sinh các giao dịch T1 vay tiền của C và trả tiền lãi. Kết quả phù hợp với quá trình T1 vay tiền của C và trả tiền lãi.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Vũ Mạnh T2, có phát sinh các giao dịch T2 vay tiền của C và trả tiền lãi. Kết quả phù hợp với quá trình T2 vay tiền của C và trả tiền lãi.

+ Trong lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Bùi Xuân V và Nguyễn Việt A trích xuất trực tiếp từ quá trình đăng nhập tài khoản có phát sinh các giao dịch cụ thể về số tiền C cho vay và thu tiền lãi. Kết quả phù hợp với quá trình 2 người trên vay tiền của C và trả tiền lãi.

Tại bản Cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày13 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáoTrần Văn C4 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; Về vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị truy thu số tiền 207.605.479 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo không bào chữa và không tranh luận gì.Trước khi HĐXX vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2024, tại thành phố Hà Nội và tại nơi cư trú của mình, Trần Văn C đã có hành vi cho anh Trần Văn T8, anh Vũ Mạnh T2, anh Lê Xuân C1, anh Nguyễn Việt A, anh Bùi Xuân V (giao dịch qua tài khoản ngân hàng) vay tiền với tổng số tiền 196.000.000 đồng, mức lãi suất từ 3000 đồng đến 5000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/1 năm, gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất quy định cao nhất là 20%/1 năm theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 64.594.521 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, lợi dụng sự khó khăn của những người cần vốn để trục lợi cá nhân gây bất bình trong dư luận, ảnh hưởng tới kinh tế xã hội trên địa bàn. Do đó hành vi của bị cáo Trần Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ các quy định của pháp luật, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự vừa phát huy được tính phòng ngừa chung cũng như thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Đối với anh Trần Ngọc Đ1, anh Vũ Thành Đ và anh Nguyễn Đình T3, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Văn C nên vấn đề xử lý không đặt ra.

Đối với số tiền 207.605.479 đồng trong đó 196.000.000 đồng là tiền gốc C sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 11.605.479 đồng là tiền lãi theo quy định do C phạm tội mà có cần truy thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 40.750.000 đồng thu giữ của Trần Văn C để khắc phục 1 phần hậu quả được đối trừ.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng thu giữ của Trần Văn C là phương tiện giao dịch để phạm tội, nay tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Văn C đã trả lại cho anh Trần Văn T8, anh Vũ Mạnh T2, anh Lê Xuân C1, anh Nguyễn Việt A, anh Bùi Xuân V tổng số tiền 64.594.521 đồng, là tiền lãi Chinh thu vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định, nay anh T8, anh T2, anh C1, anh Việt A và anh V không có yêu cầu gì nên TNDS không đặt ra.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; xử phạt bị cáo Trần Văn C: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước sung 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax, màu xanh, màn hình cảm ứng.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn C số tiền 207.605.479 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp: 40.750.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp:

166.855.497 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi năm nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng số:13/2025 lập ngày 14-11-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- CQĐT Công an huyện Giao Thủy;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Gi;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Bị cáo;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Lâm